

Bản án số: 1474/2017/HN-ST
Ngày: 06-11-2017
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;
2. Ông Trần Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2016 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2366/2017/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng D** – sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 4B/7 Khu vực 1, đường L, phường B, quận B, thành phố C.

Địa chỉ tạm trú: A0305, số 37, đường N, Khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phước H** – sinh năm 1982 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 18519 CAA CA 90701 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2016 và bản khai ngày 20/7/2016, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước H đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 300 quyền số 03 ngày 30/11/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (Nay là thành phố C) cấp. Sau khi kết hôn, bà vẫn sinh sống tại Việt Nam còn ông H về Hoa Kỳ với gia đình. Quá trình chung sống trong thời gian gần vợ chồng bà có

nhiều mâu thuẫn, hai người thường xuyên cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phước H;

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phước H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Phước H có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 911/TTTTPHNGĐ-TGĐVNCTN ngày 24/8/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 477 và có công văn đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Phước H ở nước ngoài (Công văn số 575/TATP-TGĐVNCTN ngày 21/7/2017). Để đảm bảo việc xét xử sơ thẩm vụ án theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: ở giai đoạn hiện tại tình cảm vợ chồng giữa bà D với ông H không còn, đã nhiều năm nay hai người không còn gặp gỡ, liên hệ với nhau, duy trì hôn nhân cũng không thể đem lại hạnh phúc cho gia đình họ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Phước H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Phước H có quốc tịch Việt Nam, hiện đang định cư tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Phước H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông Nguyễn Phước H. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn cùng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 300 quyển số 03 ngày 30/11/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng D với ông Nguyễn Phước H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng D thì sau khi lập thủ tục kết hôn vào tháng 11/2011, vợ chồng bà chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian ngắn rồi ông H trở về Hoa Kỳ, kể từ thời điểm đó cho đến nay hai người không còn gặp gỡ hoặc liên hệ gì với nhau qua thư từ hoặc điện thoại; thời gian bên nhau ít ỏi nhưng giữa bà với ông H đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tự lập cuộc sống riêng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phước H hiện đang định cư tại Hoa Kỳ, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Nguyễn Phước H có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Phước H không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại đời sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng D với ông Nguyễn Phước H đã biểu hiện sự đổ vỡ; trở về Hoa Kỳ từ sau tháng 11/2011 cho tới nay hai người không còn chung sống bên nhau hoặc không có liên lạc gì với nhau qua thư từ, điện thoại; điều này cho thấy sự yêu thương gắn kết và tôn trọng lẫn nhau giữa người vợ và người chồng không còn và khó có khả

năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Nguyễn Thị Hồng D được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Phước H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; đồng thời bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi Tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123 và Điều 127, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Phước H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 300 quyển số 03 ngày 30/11/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (Nay là thành phố C) cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng D phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai số AE/2011/03787 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- UBND thành phố Cần Thơ (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang